

BẢNG TIÊU CHÍ XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CẤP KHOA

Khoá/ Ngành	SL SV	Học phí/1SV/ học kỳ	Tổng HP toàn trường	Số tiền trích HB(8%)	Tỉ lệ % trích HB	Số tiền còn phải chi	Quỹ HB của từng ngành	Số suất HB chuẩn	Số suất HB			Tổng Số tiền HB	Chênh lệch
									XS	G	K		
1	2	3	4=3*2	5=4*8%	$\frac{6=5}{\Sigma}$ cột 5	7	8=5+7	9=8/2	10	11	12	13	14 = 8-13
2013													
Xã hội học	36	2,730,000	98,280,000	7,862,400	12%	1,116,743	8,979,143	3		4		12,012,000	(3,032,857)
Công tác xã hội	75	2,730,000	204,750,000	16,380,000	25%	2,326,547	18,706,547	7		1	4	13,923,000	4,783,547
Đông nam á	31	1,950,000	60,450,000	4,836,000	7%	686,885	5,522,885	3		3	2	10,335,000	(4,812,115)
2014													
Xã hội học	62	2,535,000	157,170,000	12,573,600	19%	1,785,902	14,359,502	6		1	5	15,463,500	(1,103,998)
Công tác xã hội	47	2,145,000	100,815,000	8,065,200	12%	1,145,548	9,210,748	4			5	10,725,000	(1,514,252)
Đông nam á	77	2,535,000	195,195,000	15,615,600	24%	2,217,975	17,833,575	7			5	12,675,000	5,158,575
	328	14,625,000	816,660,000	65,332,800	100%	9,279,600	74,612,400	30	0	9	21	75,133,500	(521,100)

- A: Quỹ học bổng nhà trường phân bổ

74,612,400 đồng

- B = A - cột 8: Chênh lệch của Quỹ HB nhà trường và tỷ lệ trích

9,279,600 đồng

- Cột 17 <= 0; Trường hợp C chưa <=0 các Khoa tiếp tục cân đối số suất HB cho đến hết phần kinh phí đã được phân bổ

- Căn cứ điểm trung bình học tập và điểm rèn luyện các Khoa xét theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết số suất HB theo kinh phí đã được phân bổ

Ghi chú:

- Cột 16 = (Cột 13 x Cột 6 x 130%) + (Cột 14 x Cột 6 x 110%) + (Cột 15 x Cột 6 x 100%)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

LÃNH ĐẠO KHOA

